TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2025.
V/v: "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình".

C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và ông Nguyễn Văn Trò

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hải – Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7a/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thái B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu C, xã M(xã T cũ), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

(Chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh D vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thái B trình bày: Chị và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2012 tại UBND xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh D làm lao động tự do tại H, còn chị sinh sống chủ yếu ở Hà Tĩnh. Qúa trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không quan tâm đến chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi bất hoà. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị B xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị B và anh D có 01 con chung là Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/11/2012, hiện nay đang ở cùng với chị B. Khi ly hôn, chị B đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị B không yêu cầu giải quyết.

2. Phía bị đơn anh Trần Văn D: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo anh D đến làm việc nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt, do vậy hồ sơ không thể hiện quan điểm của anh D.

3. Tại biên bản ghi lời trình bày của bà Chử Thị T (mẹ đẻ anh D), bà T cho biết như sau: Anh D là con trai bà, chị B là con dâu. Chị B và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nay là xã M, huyện Cẩm Khê. Sau khi kết hôn chị B và anh D đi làm và sống ở H, thi thoảng về quê chị B, thi thoảng thì về thăm ông bà tại xã M, huyện Cẩm Khê. Quá trình chung sống của chị B và anh D, theo nắm được thì có xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay, hôn nhân không được hoà thuận hạnh phúc. Hiện nay chị B và anh D đã sống ly thân, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau. Hiện nay anh D đi làm thuê nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể. Chị B yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh D, đề nghị Toà án giải quyết theo đơn của chị B. Các văn bản tố tụng do Toà án tống đạt, bà nhận thay anh D và cam kết giao lại cho anh D.

Về con chung: Chị B và anh D có 01 con chung là Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/11/2012, hiện nay đang ở cùng với chị B. Nếu chị B và anh D ly hôn, bà Tới đề nghị Tòa án giao con cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để cháu ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thái B được ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/11/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Văn D có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã T nay là xã Minh Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị B có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn anh D đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thái B và anh Trần Văn D kết hôn ngày 28/3/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND T nay là xã Minh Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân giữa chị B và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị B, bà Tới mẹ anh D và việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị B - anh D tại UBND xã T nay là xã Mthì xác định được Hôn nhân của chị B và anh D không hoà thuận hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay và hiện đang sống ly thân, không liên lạc, không quan tâm đến nhau, nguyên nhân do không vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến xảy ra tranh cãi, bất hoà. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh D đến Toà án làm việc, trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng anh D đều vắng mặt, thể hiện anh D không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị B được ly hôn anh D là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh D có 01 con chung là Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/11/2012, hiện nay đang ở cùng chị B. Con chung có nguyện vọng ở cùng chị B. Anh D không có quan điểm về việc nuôi con. Do vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển về mọi mặt của con chung cần giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị B tự nguyện không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thái B được ly hôn anh Trần Văn D.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thái B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/11/2012 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho

đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B tự nguyện không yêu cầu.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị Thái B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thái B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004963 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã M;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Việt D